

VIII
PHẦN THỨ TÁM

TÂY ĐẾN RỒI TÂY LẠI ĐI... (1859 -1946)

Kể về người Pháp sang đất Sài Gòn, trong số những người tiên phong phát cờ, phần nhiều lắm người hữu học, thông thái:

- Aubaret, lão thông chữ Hán, từng cầm đầu phái đoàn phiên dịch trợ lực sứ đoàn Phan Thanh Giản sang triều Napoléon III thương thuyết việc chuộc ba tỉnh miền Đông xứ Nam Kỳ. Có soạn một bộ văn phạm Việt Nam (grammaire) và dịch một phần bộ *Gia Định thông chí* của Trịnh Hoài Đức ra Pháp văn.

- Luro dạy luật học và phong tục tại Trường đào tạo các tham biện, tục gọi Collège des Stagiaires (trường ở học đường Taberd hiện nay), đồng một thời cùng các giáo sư Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của.

- Philastre dịch bộ *Hoàng Việt luật lệ* (Code de Gialong).

- Doudard de Lagrée, Francis Garnier, là nhà thám hiểm, kẻ đi khảo sát sự lưu thông hai sông Mékong, Nhì

Hà (sông Hồng) người tìm ra cảnh Đế Thiên, Đế Thích (Angkor).

- Sylvestre khảo về cổ tiền và luật bản xứ.

Nếu nhắc lại đây, tưởng không sao kể hết. Ngoại trừ phần tử xấu, thực dân hạng nặng, qua đây vợ vét bóc lột, và tàn bạo, thì giới mô phạm, giới y tế, phải nhìn nhận, đã để lại nhiều kỷ niệm tốt vì làm tròn nhiệm vụ khai hóa trí óc, nâng cao sức khỏe người Việt không ít.

Cuối thế kỷ XIX, bắt đầu thế kỷ XX. Nội các Pháp ngán tài xuất chúng và tánh cứng cỏi của Paul Doumer nên tìm cách không cho ông ở Paris và “trấn” ông sang làm Toàn Quyền Đông Dương (1897). Doumer có tánh độc tài tự quyết nhưng rất thanh liêm, ông muốn mở mang xứ Bắc Kỳ để nhử nước Trung Hoa, không thiết khuyếch trương thổ sản đất Nam Kỳ. Trái lại, Paul Blanchy là Chủ tịch Hội đồng quản hạt Nam Kỳ lại muốn mở mang miền Nam hơn xứ Bắc. Do đó hai nhân vật này không thuận với nhau, nhứt là về cuộc xuất phát chi tiêu công nho thuộc địa (budget colonial). Paul Blanchy mất tháng chạp năm 1901. Paul Doumer mùa xuân năm 1902, sang Pháp rồi ở luôn bên ấy không trở qua Đông Dương nữa. Blanchy và Doumer đã ghi đậm dấu chơn tại đây, mỗi người mỗi cách... Gì thì gì, hai người đã mở đầu một nghệ thuật mới mẻ trong xứ: nghề viết báo, trước bành trướng tại Sài Gòn, sau mới tung hoành đất Thăng Long.

Tờ *L'Opinion* (Lucien Héloury chủ trương), tờ *Le Courrier Saigonnais* (Paul Blanchy làm chủ), tờ *La France d'Asie* của Héloury giao cho bà Louise Alcan bình bút (1)

thì cực lực bênh vực Paul Blanchy.

Riêng tờ *Le Mékong* do hai anh em Leriche biên soạn thì mặt lãnh phụ cấp và triệt để ủng hộ Paul Doumer.

Thời này là thời ký giả Pháp có dịp ẩu đả ngay giữa quán rượu hoặc đánh gươm, bắn súng lục trong các cuộc đánh gươm rửa hận “duel”.

Ký giả Julien Delpit nhờ Doumer làm mai, cưới vợ là ái nữ ông Lê Phát Thanh, triệu phú. Delpit lêu lổng xài hết sự nghiệp của vợ rồi đưa nhau lên Lào làm công chức.

De Lachevrotière xuất thân làm cho báo *L'Opinion* ngày nọ đến xin chủ cho lên lương, muốn xin được bốn trăm đồng một tháng, Héloury không nhận lời, de Lachevrotière nhảy ra lập tờ *L'Impartial* do Camille Aymard mua của Gallois Montbrun.

Ganesco, dòng dõi một nhà viết báo Pháp có tên tuổi, qua đây làm đầu phòng văn cho Thống đốc Rodier, nghỉ ra viết báo, rồi nhảy trở vô quan trường, đổi xuống làm tham biện tỉnh trưởng Tân An. Để kéo dân Sài Gòn xuống đất Tầm Vu ăn chơi ngày Chúa nhật và cũng để giành mối Hội Đua Ngựa, lão tham biện “công tử bột” này bày ra cuộc thi chó bắt chuột gọi “ratadrome” (Lamagat, tr. 171).

Vào thời ấy, mỗi ly rượu khai vị (cônsonmation), thứ mắc tiền nhưt như absinthe, chỉ có hai cắc bạc (0đ20) một ly cối.

(1) Louise Alcan và hai cô gái lớn hoạt từ từ trên sân khấu là cô...

Khởi đầu, dùng đèn dầu lửa (dầu hỏa) đã là sang, vì trước kia ta thắp đèn dầu phộng, đèn mỡ cá. Dân chúng muốn đi đêm phải xách đèn lồng, đèn tắt thì lính kêu phạt tội vi cảnh. Các nhà số; nhà điểm, thì có đèn đỏ, đèn xanh. Sau này xài đến đèn khí đá (carbure). Tết đến, lấy ống chì bắt bông mai, cắm lộc bình, đốt lên, mỗi cái hoa là một đóm đèn sáng rực, con nít và dân quê ngó không nháy mắt. Rồi đến thời kỳ xài đèn ết xăng có manchon sáng xanh, chiều chiều có phu đạp xe chạy thắp đèn ngoài đường, danh gọi “lelampiste”. Rồi bắt qua đèn điện có xài than, rồi lại mới có đèn ngày nay, điện hay néon...

Nhà quan viên thì dùng quạt làm bằng vải bố kaki căng trong khung treo trên trần nhà, có dây rõ rẻ và sấm chú “bồi” ngồi kéo quạt (panca, pankka, punka).

Nay xin nói sơ qua về cuộc đời an nhàn của những năm về trước trong giới Pháp kiều.

Đầu thế kỷ XX, ra khỏi Sài Gòn hai mươi cây số ngàn (20km) đã là xa xôi lắm. Tha hồ săn bắn; heo rừng, nai, cà tong... Xa vô chút nữa thì trâu rừng, con mìn, cọp, voi không thiếu thứ gì.

Hoàng tử Henri d'Oréans dòng dõi vua Henri IV, Thái tử xứ Đan Mạch Waldemar và công tước Duc de Montpensier đua nhau thường năm dứt mùa mưa lối tháng Mười ta là có mặt tại Sài Gòn, lấy sự săn bắn thú dữ làm món tiêu khiển phong lưu. Công tước Duc de Montpensier sài tiền như nước, mua nhà hàng Continental tặng cho cô nhơn

tình là Bá tước Comtessw de B...

Sài Gòn muốn đi Nam Vang phải mất trọn một tuần lễ chờ chẳng chơi, vì mỗi tuần chỉ có ba chuyến tàu khứ hồi. Nếu phải ở lại trên đó bốn mươi tám giờ chờ tàu, tôi mất bảy ngày dễ quá, nhưng trên tàu, thú vui trời nước, đọc sách đánh bài tiêu khiển, duy ban đêm chưa có đèn điện, còn dùng đèn cây và đèn dầu hỏa, thêm nạn tàu ghé Cù lao Giêng thì đúng giờ ăn cơm tối, bọ xich và muỗi đen bay vãi vào mặt vào họng và thức ăn.

Hãng tàu chạy sông “Méssageries Fluviales” sáng lập năm 1883-1884. Sau đổi là “Compagnie Saigon-naise de navigation”, đầu tiên do Jules Rueff làm chủ sáng tạo. Rueff quen thân với vua Hoàng Lâm (Norodom). Rueff bán đồng hồ reo, đồng hồ chuông, đồng hồ bỏ túi cho Norodom mà dư sức làm giàu. Rueff mượn bọn thuyền chủ (trong Nam gọi Cò Tàu), tuy người quốc tịch Lang xa nhưng trả lương chỉ có bốn chục ngàn mỗi tháng, tính mỗi tuần mười đồng. Thế mà bọn này đều làm giàu ngang xương, đủ tiền nuôi em út, còn nuôi thêm ngựa đua, vì tàu chạy đường Sài Gòn qua Bangkok, chuyến đi thì chở “lậu” súng lục, chuyến về chở “lậu” thuốc phiện, không mau giàu sao phải. Ông Henri kể về một cò tàu chở thuốc phiện lậu, khi tàu đến gần thương khẩu Sài Gòn thì sai neo thùng thuốc phiện buộc chùm với chiếc mỏ neo chìm lỉm xuống nước chờ lính đoan xét tàu xong rồi trục vớt lên. Có mấy lần nọ, lính đoan biết kế, đón tàu từ hòn Côn Sơn, xuống nằm

ỳ dưới tàu chờ về địa phận Sài Gòn sẽ ra tay lục xét. Vỗ quít dây, có móng tay nhọn. Dọc đường, viên cò tàu bơm ngọt, phục rượu Tây đoan say vui, chờ khi sang tất cả số đồ lậu thuế qua thuyền nhỏ phi tang đâu đó xong xuôi, khi ấy Tây đoan tỉnh giấc, chỉ còn nước chạy giầy phúc trình: “Trên tàu, xét kỹ càng không một món nào lậu thuế”!

Năm 1905 đã có vấn đề “nước uống” đem ra bàn cãi tại hội đồng thành phố. Công ty Nhà Đèn xướng ra thuyết ít tốn kém cho ngân quỹ là đào thêm giếng lấy nước ngọt ngay tại chỗ. Hãng Balliste có thể lực lớn lại đề nghị dẫn nước thác Trị An về và như thế đô thành sẽ có dư điện lực do sức mạnh của nước làm ra, vĩnh viễn không lo khan nước khan hơi điện. Năm 1904, Xã Tây Cuniac sang Pháp định vay tiền mẫu quốc mười hai mươi ba triệu quan gì đó để thi hành chương trình Balliste. Nhưng Caiac gặp trở ngại; khi trở về Sài Gòn thì xin từ chức xã trưởng thành phố, và vấn đề “nước ăn nước uống” cho đến ngày nay vẫn chưa dứt khoát.

Vấn đề “đổ bác đổ tường” cũng được chú ý đến. Tuy có lệnh cấm cờ bạc, nhưng cấm lấy chừng, ngày tư ngày Tết, các chú hốt me tận ngoài đường cái, những thương gia đầu tắt mặt tối quanh năm cũng nghỉ xả hơi, đóng cửa, cầm giấy đỏ có đề bốn chữ “cung hạ tân xuân”, vừa đi thăm bè bạn ba bữa đầu năm, vừa ghé sông bài thủ thời vận. Nhà hàng “Hôtel de France” đường Catinat, trong ba ngày Tết, Hoa kiều mượn chứa me đến hai chục ngàn

đồng một ngày. Dòm vào sông “đuôi sam” nhiều không thua khăn đóng và khăn quần đầu rìu (Lamagat, trang 135).

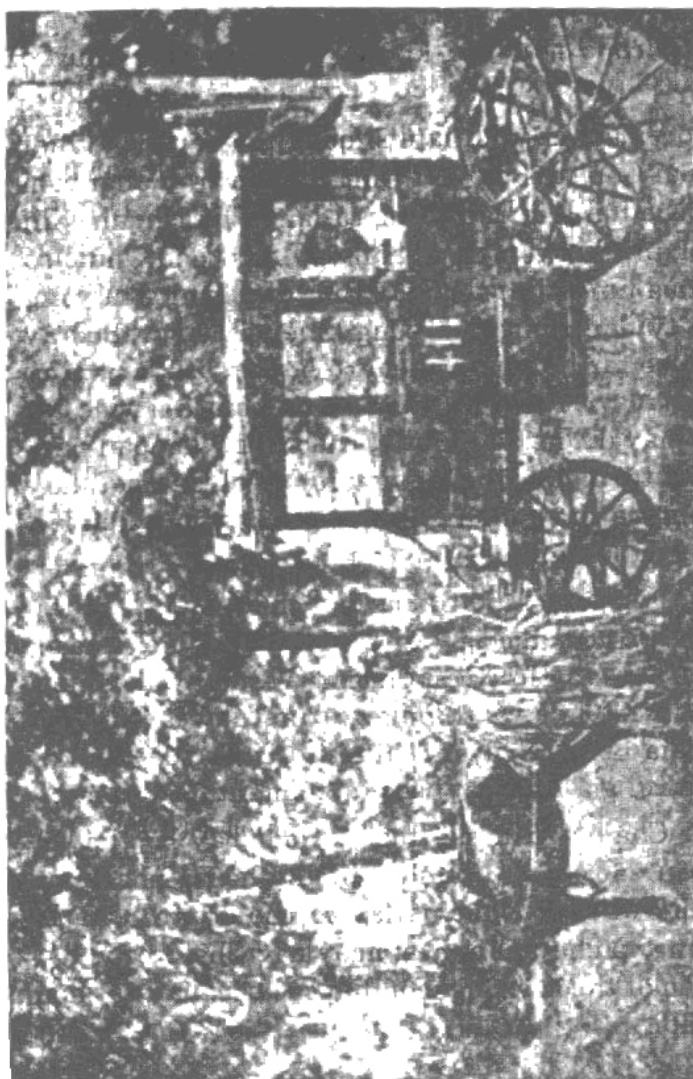
Năm 1906 Jean Duclos chở ngựa lớn con giống A Rập từ Hà Nội vào cấp độ Trường Đua Sài Gòn, báo hại nhiều nhà thua phá sản. Qua năm 1912, de Mopejat cũng làm mừng ấy và chủ ngựa Hà Nội vét túi bọn trong Nam.

Câu lạc bộ thể thao “Cercle Sportif” cũng ra đời lối năm 1912.

Lão Mézin, với hai bàn tay trắng, qua đây khai phá ruộng tỉnh Cần Thơ làm nên đồn điền “Domaine de l’Ouest”.

Lão Gressier còn giỏi hơn nữa, cưỡi trâu chạy đua với ngựa, và khai hoang mở rộng vùng Phú Lộc (Sóc Trăng).

Hình XVI



Một kỷ niệm thời trước, nay đã không còn: chiếc xe ngựa quen gọi "xe kiếng"

Hai người sống ở ruộng nhiều hơn ở đất Sài Gòn. Gressier cày sâu cuốc bẫm củi lục làm ăn ròng rã ở đây bốn chục năm dài không về Pháp quốc chuyến nào.

Lão Vidal, xin thôi làm sĩ quan thủy quân, ở thiệt thọ ở Sài Gòn cưới vợ Việt Nam, tập ăn trầu nhai bồm bẻm, được tôn làm đại hương cả làng Phú Nhuận. Khi mãn phần, di ngôn dạy chôn cất theo đạo Phật, có thầy chùa tụng kinh siêu độ, đám táng dùng nhà vàng và đạo tỳ đồn rỗng, đồn bông khiêng vai (vì thuở ấy chưa có xe tang ô tô) và thêm có hò đưa linh ầm ầm. Tôi nhớ rõ việc này vì năm ấy tôi còn làm việc tại trường máy đường Đỗ Hữu Vị, chủ trường là quan năm Rosel sai tôi dẫn đường viếng tang Vidal, đến nơi thấy nhà vàng và thầy chùa gõ mõ, ông cật vấn nhiều lần vì tưởng đã lầm nhà.

Lão Fernand Lafon mua đất châu thành và lập nghiệp tại góc đường Lê Văn Duyệt (Cách Mạng Tháng Tám) và Hồ Xuân Hương (Verdun Colombier) gần chùa Xá Lợi và trường áo tím, nay là Nữ Học đường Gia Long (Nguyễn Thị Minh Khai); đất ấy Lafon mua với giá năm cất bạc (0đ50) mỗi thước vuông.

Tên Chà Và bán sữa tươi có một bầy bò thả ăn rong trên đất của đô thành. Chánh phủ ép phải mua đất trên Tân Sơn Nhất để lấy cỏ cho bò ăn, Chà ta khóc ròng và chạy tiền mua; ngày nay Chà cười vì đất “chó ỉa” một thước vuông một, hai cắc bạc, nay đắt hơn vàng khối.

Tiền bạc trong xứ, khi cần dùng tạm bợ thì phải vay hỏi nơi Chà Chetty ở xóm Ohier (nay vẫn còn chỗ cũ) tuy cho vay cất cổ mà không bạc Chà lấy đâu có vốn làm ăn?

Mỗi năm rằm tháng Giêng, Chà bày cỗ đèn, đưa thắp Civa (tượng đúc bằng bạc ròng) dạo chơi đường phố, mua bán tấp nập suốt đêm.

Các quan Lang sa và nhà giàu thân thể sắm xe bicyclette, lúc ấy đã biết có máy móc là giống gì, thấy xe không ngựa bò mà chạy ngờ ngờ, đã đặt tên nó là “cái xe máy”. Trước còn bánh đặc, phần đường sá còn gồ ghề, mê sức chạy mau mà quên đau... sau đó bánh bông, nhưng xe nổ vỏ thì có lấy tay mà bụm! Xe máy dầu (motocyclette) là một xa xỉ phẩm mới có sau này.

Khách phong lưu và người có tiền thì đi xe “kiếng”, tức xe đóng bít dùng có cánh cửa gắn kính cho có ánh sáng, nên gọi như thế. Người Pháp gọi xe ấy “voiture malabare” vì người cầm cương phần đông là người Mã Lai. Rồi sau có xe trái bít, hình dáng thanh hơn xe kiếng. Xe trái bít, nhà Dưỡng Lão Thị Nghè mấy năm về trước, còn thấy dùng để đưa các di, bà phước đi chợ mua đồ ăn. Nhà giàu nữa thì dùng xe mây một ngựa (thùng đan bằng mây) hoặc xe song mã có xà ích (sais) Chà Và cầm cương.

Xe tự động (ô tô) sơ khởi là xe hiệu Peugeot, Panhard, Delage, muốn chạy phải đốt cho máy nó nóng!!! Mui vải bố có dây da kéo chằng chịt ra trước ra sau, cửa xe thì không có... Những người có xe ô tô buổi đầu là toàn những tỷ phú và các Lang sa sang trọng, trong số có ông Lê Phát An là một. Năm 1923, xe Chánh phủ chỉ có độ một trăm chiếc ghi số từ C-1 đến C-100, chiếc Delage C.100 của Thống đốc Nam Kỳ là “chiến” nhứt hạng.

Câu hát, câu hò thuở trước

Tiện đây, tưởng nên ghi chép một mớ câu hát câu hò dính líu chút ít đến nhơn vật và phong cảnh Sài Gòn xưa:

Sài Gòn mũi đỏ,

Gia Định xúp lê,

Giã hiên thệ ở lại lấy chồng,

Thuyền anh ra Cửa như rồng lên mây.

(Đời trước, ghe thuyền Sài Gòn đều sơn mũi đỏ cho dễ phân biệt với ghe Lục Tỉnh. Dường như phong tục sơn mũi thuyền và khắc tên họ, quê quán chủ thuyền đã có từ thời ông Nguyễn Cư Trinh vào Nam, cốt để dễ bắt ghe gian hoặc thuyền của bọn cướp (xem *Sài Vãi* do Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật sao lục và chú thích).

Gia Định xúp lê: ghe anh lui đến Gia Định, như cởi mở, nếu là tàu thì đã thổi còi vang dội. Hát câu này, anh cho gái hiểu một đi không về!

Mẹ đi Chợ Quán, Chợ Cầu,

Mua cau Chợ Vải, mua trâu Chợ Dinh.

Hay là:

... Mua vôi Chợ Quán, Chợ Cầu,

Mua Cau Nam Phổ, mua trâu Chợ Dinh

(Câu hát vùng Huế, nhập Gia Định đời “Tây Sơn)

Chị Hương đi chợ Đồng Nai,

Bước qua Bến Nghé, ngồi nhai thịt bò

(Câu hát đối bí hiểm, chưa có câu đáp lại. Trong câu có đủ: hươu, nai, nghé, bò).

Bao giờ cạn lạch Đồng Nai,

Bước qua Bến Nghé, ngồi nhai thịt bò.

(Câu hát tương truyền cuộc di dân vào Nam. Xưa, một phú ông đã có công sáng lập nơi đây một nhà cứu tế và bán buôn, cất trên bè, trên sà, sau nhóm đông thành chợ, gọi chợ Nhà Bè. Bấy lâu, tên ông là Thủ Huồng, nghe làm vậy nhưng không biết chữ viết ra sao, nay đọc Gia Định vịnh, thấy ông Trương Vĩnh Ký ghi là Vô Thủ Hoảng mới rõ).

Rồng châu ngoài Huế, ngựa tể Đồng Nai,

Nước sông trong sao lại chảy hoài?

Thương người xứ lạ, lạc loài đến đây.

(Câu hát gọi tình, lời trung thực thuộc loại chánh phong).

Chợ Sài Gòn cần đá, Chợ Rạch Giá cần xi mon,

*Giã em ở lại vương tròn, anh về xứ sở không
còn ra vô.*

(Hát xong câu này, là cúc biệt về Rạch Giá, ô hô!)

Cúc mọc bờ ao, kêu bằng cúc thủy,

Chợ Sài Gòn xa, chợ Mỹ cũng xa,

Viết thơ thăm hết nội nhà,

Trước thăm phụ mẫu, sau là thăm em!.

(Câu hát huê tình, điệu chánh phong).

Mười giờ tàu lại Bến Thành,

Xúp lê vội thổi, bộ hành lao xao.

(Mười giờ có một chuyến xe lửa từ Mỹ Tho lên, đỗ ga “Bến Thành” thì kéo còi...)

Anh đi ghe cá trắng lườn.

Ở trên Gia Định, xuống vườn thăm em.

(Ghe trắng lườn là loại thuyền trệt, cạn lòng).

Xay lúa già gạo Đồng Nai,

Gạo thóc về ngài, tám cám về tôi.

Trâu Sài Gòn xé ra nửa tá,

Thuốc Gò Vấp hút đã một hơi.

Buồn tình gá nghĩa mà chơi,

Hay là anh quyết ở đời với em? (Minh Tâm)

Anh ngồi quạt quán Bến Thành,

Nghe em có chón, anh đành quăng om (om trà Huế).

Anh ngồi quạt quán Hà Hom,

Hành khách chẳng có, đá om quăng lò.

(Minh Tâm)

Xe mui chiều thả xanh quanh,

Đôi vòng Bà Chiểu thích tình dạo chơi.

(Thú phong lưu thuở trước, đến năm 1914 sắp sau mới có ô tô).

KẾT LUẬN

Sài Gòn là đất hưng vương, căn bốn pháp tích Nguyễn triều. Pháp chiếm năm 1859. Pháp bị lật năm 1945. Tiếp theo là cuộc trưởng thành, cách mạng, độc lập.

Lịch sử Sài Gòn có lắm đoạn vẻ vang:

Không bàn tay người Việt tô điểm, không thịt xương người Việt làm nền cốt, không máu huyết người Việt làm xi mon, chưa chắc Sài Gòn có bộ mặt mới xinh như ngày nay.

Có người quen tánh lý luận, chê lớp tiền bối lựa Sài Gòn làm kinh đô là thất sách, vì xa biển. Sao không chọn Vũng Tàu Ô Cấp, đủ sơn, đủ thủy, tàu bè dễ ghé dễ lui. Một nhà chuyên môn kiêm bác sĩ nói với tôi: “Vũng Tàu cát bờ rời đất không chơn đứng, xây nhà không bền chắc; ở ngay mũi súng, khó phòng thủ. Thiếu nước ngọt, bị phủ vây thì nguy to”.

“Sài Gòn, trái lại:

Có mọi nước lọc dưới đất cát, đủ cung cấp nước ăn quanh năm, khéo tiết kiệm không lo thiếu nước;

Sông Đồng Nai, thác Trị An ở gần: dẫn nước tốt dễ dàng;

Sài Gòn là đất núi, có chơn đứng, xây nhà bao nhiêu

từng cao cũng được;

Sông Nhà Bè quanh co uốn khúc, vì vậy mà hiểm, binh giặc kéo đường thủy, đủ thời gian lập thế thủ; nhờ khuất gió mạnh, bến được yên, tàu đậu không sợ bão tố;

Đứng giữa các mối đường, sự giao thông thuận tiện;

Ngày nay có sân bay rộng lớn khang trang, Sài Gòn nối liền với hoàn cầu trong nháy mắt.

Như một viên bảo ngọc, càng ngày càng quý, Sài Gòn đủ điều kiện để trở thành một đô thị tối tân.

Xuân Mậu Tuất (1958) - Xuân Canh Tý (1960)

VƯƠNG HỒNG SẼN

Tiếp theo đây là bảng liệt kê các họa đồ thuộc Sài Gòn Chợ Lớn và vùng phụ cận: đó là di tích tập tài liệu duy nhất về “họa đồ Sài Gòn” của tòa bố tỉnh Chợ Lớn, bị thiêu hủy hay thất lạc sau năm 1945. Bảng này, ông giáo sư Pineau dạy trường Kiến trúc Quốc Gia còn giữ một bản. Ông cho phép tôi sao lục và công bố với ước vọng có ngày, nhờ sự hảo tâm và hiếu cổ của các bạn, sưu tập được chút ít nào chăng.

*

Liste des plans et documents graphiques déposés au Service du Plan et Extension de la Région de Saigon-Cholon, par M. PINEAU L.G. Architecte - Urbaniste des Bâtiments Civils. Saigon 1933 (agréablement communiquée par l'auteur).

Année	ECHELLE	DÉSIGNATION
1795	1/4.000E	Plan de la ville de Saigon levé en 1795
1815	1/16.000e environ	Plan de Gia định et des environs dressé par TRAN VAN HOC le 4 ^e jour de la 12 ^e lune de la 14 ^e année de Gia-Long. Ecriture en caractères chinois.
1861	1/14.000e environ	Plan de Saigon en 1861 - D'après la carte pour servir à l'intelligence des opérations accomplies les 24 et 25 Février 1861 contre les lignes Ki-Hoa et les Forts du Donnai.
1861	1/40.000e	Plan des attaques des 24 et 25 Février 1861 - Copie d'un plan dressé par M.BERTRAND, Sergent d'Infanterie de Marine.
1863	1/5.000e	Plan du Port de Saigon levé en 1863 par M. M. EVIDALIN et C.HERRAUD, s/s Ingénieurs - Hydrographes, d'après les ordres de M. le Contre - Amiral de la Grandière, Gouverneur et Commandant en Chef.
1865	1/7.000e environ	Plan en cours d'exécution de la ville de Saigon, H. SEREMONIE, Maréchal ses logis de spahis.

Année	ECHELLE	DÉSIGNATION
1867	1/11.000e	Plan de la ville Saigon - Cochinchine Française. Octobre 1867.
1867	1/10.000e	Plan de la ville Saigon - Conchinchine dressé par le Service des Ponts et Chaussées. Octobre 1867.
1876	1/6.000e	Plan de la ville le Saigon indiquant ses nouvelles limites.
1878	1/12.000e environ	Plan de la ville Saigon - Cochinchine dressé par le Chef du Service des Travaux Publics (La Cochinchine en 1878 par le Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine).
1878	1/8.000e	Plan de la Ville de Cholon (La Cochinchine en 1878 par le Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine).
1882	1/4.000e	Plan cadastral de la Villa de Saigon publié sous la direction de M. BOILLOUX Inspecteur des Domaines, Chef du Service du Cadastre, d'après les ordres de M. le Myre de Vilers, Gouverneur.
1890	1/5.000e	Plan de la Ville de Cholon dressé par M. CARMOUZE, Géomètre principal, sous la direction de M. BERTAUX, chef de la Section du Cadastre d'après les ordres de M. DANEL, Lieutenant - Gouverneur.

Année	ECHELLE	DÉSIGNATION
1891	1/4.000e	Plan de la Ville de Saigon en 1891. Réduction des Feuilles au 1/1.000 de M.PONT et au 1/500 de M.JEANNET, Géomètres- levées en 1888, 1889 et 1890.
1893	1/5.000e	Plan de la Ville de Cholon en 1893.
1893	1/10.000e	Plan de la Ville de Saigon, dressé sous la direction de M.BERTAUX, Géomètre en Chef, Chef du Service du Cadastre et de la Topographie.
1893	1/4.000e	Plan de la Ville de Saigon en 1893. Réduction des Feuilles au 1/1.000 de M.PONT et au 1/500 de M.JEANNET, Géomètres - levées en 1888, 1889 et 1890.
1893	1/12.000e	Ville de Saigon en 1893.
1893	1/12.000e	Plan de la Ville de Saigon - 1893 - Réseau d'égouts.
1896	1/10.000e	Ville de Cholon en 1896 - Travaux de Voirie exécutés en 1880 à 1896.
1897	1/10.000e	Plan de la Ville de Saigon - 1876 - joint à la lettre N. 87 du Maire de Saigon au Gouverneur de la Cochinchine du 3 Avril 1897.
1897	1/20.000e	Plan de Saigon, Cholon, Tam hoa, Khanh hoi et Chanh Hung.
1897	1/20.000e	Carte des Ville de Saigon et Cholon et leurs environs.
1897	1/10.000e	Carte de différentes limites qu'a eus l'Arrondissement de Gia Định avec la ville de Saigon.

Année	ECHELLE	DÉSIGNATION
1900	1/20.000e	Plan de Saigon - Annuaire général de l'Indochine 1900.
1900	1/20.000e	Plan de Saigon - Annuaire général de l'Indochine 1900 (Situation des marchés en 1900).
1900	1/20/000e	Carte des Villes de Saigon, Cholon et Environs. Feuille N. 3.
1905	1/15.000e environ	Plan de la Ville de Cholon - Annuaire général 1905.
1905	1/10.000e	Nivellement général de Saigon-Cholon et Environs exécuté par M.ALINOT, Géomètre - Développement au réseau 58km - Juin à Oct. 1905.
1905	1/10.000e	Nivellement général de Saigon - Cholon et Environs exécuté par M.ALINOT, Géomètre - Développement au réseau 58km - Juin à Oct. 1905. Situation des points de repère. Plan de la ville de Saigon - 1907.
1907	1/10.000e	Plan directeur de Saigon - Publié et imprimé par le Service Géographique de l'Indochine, Feuille N. 12, Mai 1909, Feuille N. 13, Juin 1909.
1909	1/10.000e	
1911	1/50.000e	Carte des Environs de Saigon, dressée et dessinée sous la direction du Capitaine du Génie GENEZ, par le Sergent Pernel, de l'Infanterie Coloniale, Direction d'Infanterie de Cochinchine, Le Lieutenant - Colonel AUBE, chef de service.

Année	ECHELLE	DÉSIGNATION
1913	1/10.000e	Plan de la Ville de Cholon - 1913. Voies de navigation aux abords de Cholon au 1/100.000e.
1920	1/5.000e	Plan cadastral de la Ville de Cholon - 1920
1921	1/10.000e	Plan de la Ville de Saigon, 1er Mai 1921.
1923	1/10.000e	Plan de Saigon - Cholon dressé héliogravé et publié par le Service Géographique de l'Indochine par restitution de photographies du Service Aéronautique Le Lieutenant DUBUISSON, Chef de service.
1923	1/5.000e	Plan de la Ville de Saigon - 1923.
1923	1/20.000e	Carte des Ville Saigon et Cholon et Environs. Indication des Etablissements industriels.
1923	1/10.000e	Plan de la Ville de Cholon en 1923.
1923	1/10.000e	Carte des Etablissements industriels.
1923	1/10.000e	Saigon - Cholon, Nature des constructions.
1931	1/500.000e	Carte des Routes en Cochinchine.
1933	1/20.000e	Plan de la Région de Saigon - Cholon.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs”
- Conférence au Collège des Interprètes par Trương Vĩnh Ký (*Excursion et Reconnaissances*, N.X- 23, Mai-juin 1885).
2. S la recherche de Prei Nokor par L. Malleret (*Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, année 1942; N.2).
3. “Eléments d'une monographie des anciennes fortification et citadelles de Saigon” par L. Malleret (*Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, Octobre - Décembre 1935).
4. “L'archéologie du delta du Mékong” par L. Malleret (*Bulletin de l'Ecole Française d' Extrême - Orient*, année 1959, tome premier, “texte et planches”).
5. *Promenades dans Saigon* par Mme Hilda Arnild (SILI, Saigon, 1948).
6. *Guide-Annuaire illustré de la Cochinchine pour 1899* publié sous la direction de M. M. Paul Vivien et Linage (Claude et Cie, Saigon).

7. *Souvenirs d'un vieux Journaliste indochinois* par Henri Lamagat (IDEO, 1942, en trois tomes).

8. "Saigon sous la domination cambodgienne et annamite" par J. Bouchot (*Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, 1916, numéro 1).

9. "Les impératifs géotratégiques d'Indochine" par A. Lepotier, *Revue Géographia* N 12, Septembre 1952, pp. 33-34.

10. *L'Indochine française (Souvenirs)* par Paul Doumer. - Vuibert et Nony, Paris 1950.

11. *Revue Indochinoise*, Novembre 1893 (carte).

12. *Iconographie* de Boudet, planche XXI "1866, aperçu de Saigon".

13. *Revue Maritime*, Rieuner, carte, 1861.

14. "Le rôle de Cholon pendant la conquête (février 1859 - Avril 1861)" par P. Midan. *Asie Nouvelle*, Saigon, Imp. Nguyễn Văn Cù 1934. 28 pp.

15. "Monographie de la province de Gia dinh. Etude des opérations de 1860 - 1861 avec essai de localisation sur le terrain des divers retranchements" (p. 110, 113 du *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises* 1902).

16. *Annuaire de la Cochinchine Française pour l'année 1866*. (Saigon, Imprimerie Impériale. 1866).

17. Les bouddha dits d'Amaravati en Asie du Sud-

Est" Par Piere Dupont (*Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême - Orient*, tome XLIX, fascicule 2).

18. *L'Indochine Moderne* par Eug. Teston et Maur. Percheron. (Libraire de France, Paris).

19. *Miscellanées Sự loại thông khảo*, trước gọi *Thông loại Khóa trình*. Trương Vĩnh Ký Saigon, năm 1889.

20. *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diên ca.* - Nguyễn Liên Phong, 1909, nhà in Phát Toán, Sài Gòn.

21. *Điều cổ hạ kim thi tập*, Nguyễn Liên Phong 1915.

22. *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh*, có phụ thêm bài *Gia Định thất thủ* ông Trương Vĩnh Ký chép ra chữ quốc ngữ, nhà in Guilan et Martion, 1882.

23. *Thơ Nam Kỳ* và tiếp theo *Thơ Nam Kỳ*, in lần thứ sáu, nhà in Tân Định, 1903.

24. *Tôn Thọ Tường* của Khuông Việt soạn, bản ngày nay 1942, Hà Nội.

25. *Nông Cổ Mìn Đàm*, năm 1904 - 1905 và các nhật báo trong Nam cũ, Sài Gòn.

26. *Nguyễn Cư Trinh* và quyển *Sãi Vãi* của Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật sao lục và chú thích. Tân Việt, 1952, Sài Gòn.

27. *Cuộc đời oanh liệt của Tả quân Lê Văn Duyệt* do Lê Đình Chân soạn, bản in Phổ thông, Sài Gòn, năm 1956.

28. *Đại Nam Nhất thống chí. Lục Tỉnh Nam Việt.* - Nguyễn Tạo dịch, 1959. Nhà Văn Hóa Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn xuất bản.

29. *Thơ Phan Xích Long Hoàng đế.* Đặng Lễ Nghi soạn, nhà in de l'Union, 1914.

30. *Về 38 người xử bắn ngày 22-2-1916.* Đ.T.B, bản in de l'Union, 1916.

31. *Về 13 người xử bắn ngày 16-3-1916.* Đ.T.B, bản in de l'Union, 1916.

32. Các bài báo và bài khảo cứu về Sài Gòn trong sách báo, v.v...

33. *Gia Định thông chí* của Trịnh Hoài Đức (bản dịch Aubaret đề *Histoire et description de la Basse Cochinchine*, Paris, Imprimerie Impériale, 1863).

34. *Việt âm văn quyển* của Lê Sum soạn, nhà in Jph. Viết xuất bản. 1919.

35. *Pagodes chinoises et annamites de Cholon* par Lê Văn Lưu. Imprimerie Tonkinoise, Hanoi, 1931.

36. *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861*, par Léopold Pallu de la Barrière, édition de Berger-Levrault, Paris, 1888.

PHỤ LỤC

Cảm tưởng của tôi về quyển “Sài Gòn năm xưa” của Vương Hồng Sển

Thu Giang Nguyễn Duy Cần

Tôi không dám nói đây là một bài phê bình vì tôi chưa có đủ tài liệu để phê bình sử liệu như anh bạn của tôi đây, mặc dù tôi cũng là người miền Nam và sống ở Sài Gòn từ thuở cấp sách cho đến ngày nay. *Đây chỉ là những cảm tưởng đầu tiên sau khi đọc xong quyển sách.* Những ý tưởng còn đang hỗn độn, tôi cứ để tự nhiên tùy hứng mà viết ra, không trật tự gì cả. Đây cũng là lần thứ nhất mà tôi bàn đến một quyển sách.

*

Soát qua đại lược về hình thức, tôi nhận thấy cách ấn loát được hoàn bị, như chữ in quá nhỏ khó đọc; chánh tả có chỗ không đúng, đáng tiếc.

Nhưng theo chỗ tôi được biết thì “lỗi” đây không phải

nói ông bạn họ Vương, mà nơi ấn công, và những người có phận sự lo về phần ấn loát! Để an ủi ông bạn già của tôi (vì ông bạn bớt đầu bớt tóc) tôi kể trường hợp của ông Lê Ngọc Trụ của chúng tôi, ngay trong quyển *Tự Vị Chính Tả* của ông mà phải đến bốn trang đầy đặc đính chính. Nhưng vương quân bảo: “Người ta đây rồi có ai chịu hiểu cho cái khổ tâm của chúng mình... mà họ sẽ “chửi” rằng mình “bừa bãi” như trường hợp của anh vừa rồi... Trong một quyển sách viết về thuật viết văn. Dĩ nhiên là mình phải chịu trách nhiệm mới chết một chữ!”

Tôi và ông bạn chỉ nhìn nhau và thông cảm. Thiết nghĩ đây cũng là một vấn đề mà các Nhà xuất bản nên lưu ý. Trước đây chúng tôi được biết có nhà in Maurice. Giám đốc là ông Lê Thọ Xuân. Ông Lê Thọ Xuân có công phu huấn luyện một toán ấn công rất rành chính tả. Sách vở in tại nhà in này lại được bốn thân Ông Giám đốc săn sóc và bắt buộc các ấn công phải triệt để tuân theo mệnh lệnh các tác giả. Có khi một trang sách được lên khuôn rồi, thế mà phải chiều theo tác giả mà xuống khuôn sửa lại. Chính tôi đã nhờ nhà in này in cho bốn quyển sách, quyển nào cũng đàng hoàng quyển nấy, không chỗ khiến trách. Chúng tôi vẫn biết các ấn công phần đông lãnh việc ăn tiền theo lối *bao biện* mà ta thường gọi là *mão sát*. Vì vậy sự sửa chữa đi sửa chữa lại làm mất thời giờ của họ nhiều, họ gấp làm xong để lãnh tiền sớm. Gặp phải các nhà văn quá “thiết tha” đến tác phẩm của mình, họ “càu nhàu” ghê lắm. Chủ nhân xuất bản cũng phải “bực mình” với họ. Nhưng dù sao, điều này cần phải có một sự chấn chỉnh lại vì tiền đồ của văn học. Không nên xem

thường nhất là đối với ngành xuất bản của Cơ sở Báo chí và Xuất bản tự do mà như chúng tôi biết rõ.

Sự cố gắng và hy sinh của Nhà xuất bản không thể có chỗ nghi ngờ được.

*

Giờ đây tôi xin thẳng vào nội dung.

Về tài liệu thì thật là dồi dào, thật là công phu... Tác giả đã tỏ ra là người rất là thận trọng, lại là người có óc tò mò quan sát đáo để. Đây không phải là những tài liệu cóp nhặt nơi sách báo hay lời thuật lại các bậc cổ lão mà một phần khá quan trọng là do kinh nghiệm sống của bản thân.

Thú thật, tôi đã đọc quyển sách một cách say mê như một quyển tiểu thuyết hay và hấp dẫn. Lối hành văn của tác giả rất là duyên dáng, nhưng trong tiếng cười đùa, ta cảm thấy một cái gì buồn man mác, đau đớn và chua cay. Quả là tiếng cười trong nước mắt. Phải chăng họ Vương đang sống trong *mặc cảm tội lỗi* vì đã bị sống phần lớn đời mình *nó lệ* trong chế độ *nó lệ* của thời thực thuộc? Nhiều đoạn văn thật là cay độc! Đối với những kẻ tàn bạo buôn dân bán nước lưu manh bịp bợm, kể ra ta phải nghiêng mình trước sự vô cùng can đảm của tác giả - không biết sợ hậu quả của tự thù.

Tuy vậy có điều mà tôi không mấy vừa lòng là tác giả một đôi chỗ không nỡ kê tên thật một vài nhân vật *nấy lửa*. Úp mở như vậy, thiết nghĩ không lợi gì cho người đọc, nhất là các bạn không phải là người miền Nam họ

rất thắc mắc. Nhưng biết đâu, đó lại là dụng ý sâu sắc của tác giả là cố ý úp mở để bắt đọc giả tò mò và *bươi móc* ra cho thêm quan trọng.

Đặc sắc thứ hai là trong lối hành văn, ông bạn họ Vương dùng toàn tiếng nói của địa phương, nhất là tiếng nói của người Sài Gòn trăm phần trăm. Có nhiều từ ngữ địa phương mà nay đã mất dấu, như *Ông Hoành*, *Ông Trám*, *mêem xối xiên*, v.v... đã được giải bày nguồn cội cặn kẽ. Riêng cá nhân tôi, tôi đã đọc được rất nhiều ở Vương quân những điều mà một người dân Việt cần phải biết ở nơi *chôn nhau cắt rốn* của mình. Bốn chữ *thành tâm thỉnh giáo* mà Vương quân đã biên ở trang nhất trong quyển sách tặng tôi, làm cho tôi vô cùng bối rối và hổ thẹn.

Đặc sắc thứ ba là cách hành văn trong tác phẩm họ Vương pha lẫn tâm hồn của một học giả trang nghiêm đúng đắn với tâm hồn chất phác thật thà, với những tín ngưỡng thông thường của người dân bản xứ. Nếu bạn là nhà trí thức bạn sẽ nhìn thấy hình thức bác học của câu văn, nhưng nếu bạn là một người dân quê, một dân thầy hay dân thợ, thì bạn cũng nhìn ra trong cái giọng nửa thầy, nửa thợ, nửa nông dân chân lấm tay bùn một cái gì rất quen thuộc của giới mình ngay... Đó là chỗ đặc biệt nhất của lối hành văn của tiên sinh vậy. Nói thế, không phải bảo một cách giản lược rằng văn của họ Vương là văn bình dân: thật ra chỉ bình dân tùy theo giới nào mà tiên sinh bàn đến thôi. Nói đến giới *ăn chơi* ông dùng tiếng *lóng* của giới ăn chơi, nói đến giới công chức, ông

dùng tiếng nói thông dụng và đặc biệt của giới công chức... Nghĩa là ý tưởng của một học giả xuất thân Trường Bác Cổ Viễn Đông với những lễ lối nghiên cứu, suy nghĩ của một nhà nghiên cứu hết sức khoa học, nhưng câu văn thì uốn khúc thiên hình vạn trạng tùy phong tục của từng giới, của từng địa phương, của từng giai cấp. Một loại văn mà tôi chưa nhận thấy có từ trước đến giờ từ Nam chí Bắc. Một loại văn thật là công phu lắm mới viết được như thế.

*

Bàn về những tài liệu, tác giả họ Vương nơi bài tựa đã nói: “Ôm mớ tài liệu thu thập bấy lâu dù hay dù dở, dù chưa bằng bụng, mình biết lấy mình - bày hết, trình hết ra đây - mặc tình các vị xa gần tùy thích lựa chọn... dù chẳng làm nên cái bánh ngon, cũng được tiếng là không xấu bụng”, (...) “Bắt tay vào việc, cốt ý là muốn cống hiến ra đây mớ hiểu biết lụn vụn và mớ nghe thấy vặt vãnh về Sài Gòn (...) Ở đây tôi chú trọng nhiều nhất là những đoạn sử vụn vặt buổi giao thời: Pháp - Nam - Chà - Chêc chung đụng, những chuyện “Tây đến Tây đi”, những việc chưa ai nói rõ ràng, may tôi được nghe tận tai, hoặc thấy tận mắt, nhiều đoạn do hiểu biết riêng, lắm đoạn nhờ các cố lão thuật lại. Tôi không dám chắc ‘đúng cả...’

Như thế, ta không nên đòi hỏi nơi tác giả những tài liệu phải xác thực, hoàn toàn xác thực, và dĩ nhiên còn nhiều thiếu sót. Công việc này đâu phải của một người mà được chu đáo. Thường lại là những câu chuyện truyền khẩu, cho nên chỉ có những giá trị truyền khẩu mà thôi.

Đại để những gì bạn họ Vương thuật lại, chính tôi cũng được những bậc cố lão thuật lại như thế.

Về sự nhận xét, hay nói cao lên, về nhân sinh quan nhà chép sử có một quan niệm về sự đời giống như *René Grousset* thường nhận thấy sự thăng trầm vinh nhục như một định luật bất di bất dịch của Tạo hóa, nhưng ông bạn lại đôi khi thắc mắc đến quan niệm *ác lai ác báo* của dân gian. Bàn về từ đường của Tổng đốc Đỗ Hữu Phương, họ Vương nói: Ngôi nhà này, đất thì bán cho khách Tàu xây nhà chọe trời làm tửu quán, cao lầu và rạp ciné. Chỉ chứa một khuỷnh để làm nơi thờ phượng. Mấy chục năm về trước, cờ bạc thịnh hành, vua đổ bác *Thầy Sáu Ngộ* nhiều tiền mướn đầy làm chỗ hốt me ăn thua ức vạ. Nghĩ cho con cháu rân rát, đổ đặt thành danh mà từ đường chứa đầy tiếng thô tục, nước bọt và đàm xanh, có phải chẳng là căn quả?”.

Trong khi đó ông bạn họ Vương cũng nhận thấy rằng tang thương là định luật của tạo hóa: “Một phú gia giàu sang bậc ấy (nói về ông Quách Đàm) mà nay còn gì? Gần chùa Giác Lâm trong Chợ Lớn, thuộc ranh tỉnh Gia Định, một ngày mới đây, tôi thấy một bầy bò sữa đứng ăn cỏ trên một ngôi mộ có vẻ hùng tráng nhưng trơ trọi điêu tàn. Cạnh bên là một đám ruộng khô chứa một đống rác to bằng đồng lúa chưa vô bờ, ruồi muỗi lằng lằng bay vù vù như một đám nhạc hỗn độn. Địa thế *hữu bạch hổ* không còn; *tả thanh long* ao ruộng nọ đang lấp, còn chẳng là bầy bò nhơi cỏ gần đống rác và mớ ruồi lằng, ấy là hiện trạng ngày nay của mộ phần *phong thủy* ông Thông Hiệp. Những

tư tưởng như chung đụng hòa lẫn nhau hợp thành một tâm hồn sóng gió linh động vô cùng. Đừng chê đó là mâu thuẫn. Mâu thuẫn đó mới là tâm hồn chất phác thành thật của họ Vương và đó mới là nguồn hứng bất tận đã tạo ra một con người và một lối văn đặc biệt như thế. Văn là người thực không sai chạy vậy.

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN
(báo *TỰ DO*, ngày 7-4-1961)

*

Người ta đợi từ cuối năm ngoái, mãi đến đầu tháng 4 năm nay mới được đọc *Sài Gòn năm xưa* của Vương Hồng Sển. Đây là quyển sách biên khảo rất công phu của ông Giám thủ Bảo tàng viện Việt Nam. Sách ghi chép một phần lớn lịch sử Sài Gòn, từ khi là thành Gia Định dưới triều Gia Long đến biến cố lịch sử năm 1945.

Tác giả đã biên chép từ những di tích cũ, những đường sá sông rạch, cầu kiều trải bao cuộc đổi thay, đến các nhân vật đặc biệt cùng những mẩu chuyện hay hay của xã hội thời trước, với một lối văn rất là riêng biệt.

Những ai từng sống lâu năm trên Sài Gòn cũng như những ai vừa quen với dòng Bến Nghé, người hai thứ tóc cũng như kẻ đầu xanh, đều không thể bỏ qua quyển sách lý thú này.

...

...

(Trích báo *Mai*, số 20, ngày 25-4-1961, của ông Hoàng

Minh Tuynh làm chủ nhiệm mục “Tin sách”)

*

“Đọc cuốn *Sài Gòn năm xưa* của học giả Vương Hồng Sển, ta có cảm giác thoải mái, dễ chịu quá.

Tôi nhớ những buổi ngả lưng trên ghế trường kỷ trong ngôi nhà chung bày toàn đồ cổ của tác giả mà nghe tác giả kể chuyện *đời xưa*, từ chuyện các chánh tham biện, truyện các cụ đường cộ tới truyện tản cư, truyện con voi sở thú... Lời rất bình dị, tự nhiên, có duyên: cứ mê đi mà nghe và mỉm cười cho tới khi nào thấy làm mất thì giờ của chủ nhân quá rồi thì cáo từ mà ra về.

Tác giả kể chuyện làm sao thì chép lại thành sách như vậy.

Đây xin đọc giả nghe ông vào chuyện:

“Bởi thấy tôi là người Nam, đầu pha hai thứ tóc, làm việc trong một cơ quan chuyên môn, thêm có tánh ham chơi cổ ngoạn, tom góp giấy má cũ đầy nhà, rồi đồn chuyện ra: tôi sành sỏi chuyện xưa, tôi giỏi kêu cứu điển cố; báo hại phần đông văn hữu Bắc và Trung, ông nào quen một đôi lần, gặp nhau, hết năm ba câu lấy lệ, làm gì cũng hỏi vặn tôi kể: “gốc tích hai chữ SÀI GÒN”

Thật là thân mật, tự nhiên, xuề xòa.

Rồi ít hàng sau:

Đối với các bạn nhỏ hiếu học, tôi xin nói lớn:

1) Chỗ nào các bạn thấy mới, đừng sợ, ấy tôi đã cân nhắc kỹ càng, cứ tin, cứ dùng: “Coi vậy mà xài được”.

2) Chỗ nào chưa êm, nhờ các bạn chỉ dùm, nếu tìm cách bỏ khuyết càng tốt, gọi giúp lẫn nhau: già thua trẻ không xấu, mắc cỡ bậy, hay gì?”.

Chắc độc giả đã được dịp mỉm cười rồi chứ?

Suốt hai trăm trang in chữ nhỏ, toàn là một giọng như vậy. Thỉnh thoảng điểm những tiếng cổ mà chúng ta chỉ thấy trong các sách báo in từ đầu thế kỷ, hoặc nghe ở những chốn quê mùa, do những cụ tám, chín chục tuổi thốt ra. Chẳng hạn:

- *Tôi không dám chắc đúng cả, nhưng “ăn trâu gặm mà nghe” bây giờ không nói còn đợi lúc nào?*

- *Lâm cảnh lương đầu thọ địch...*

... *hẹn hậu nhứt tri*

... *chết ba mươi đời vương*

... *trở sanh nghề lạ*

... *trời kệ*

Lại thêm những tiếng rất tự nhiên chỉ dùng trong một vài giới:

- ... *đi la mát nơi đây.*

- ... *chiều chiều thả “xích-phê” đường Catinat, giày “ăn-phón”...*

- ... *diện áo “u-hoe”, tay lo le điệu xì-gà-tàn, thì duy có mấy cô mấy ý đời ấy biết cho.*

... xa mú ti té.

Có chỗ tác giả như mới ta cởi áo ra ngoài cho thoáng
thời hơn nữa để nghe ông kể:

“Đền nhá nhem, người bu động đến mức cháo không
kịp, thêm tuổi vừa đôi mươi, *ăn sắt cũng tiêu*, ghế bàn
không có, mỗi người tự biện lấy, đứng húp ngon lành, ngó
mặt nhau vẫn quen quen: Cô Ba Trà, ông cò mi Kính và
tớ đây, kẻ còn người mất, đứa bạc đầu!”

Vế trong câu thường ngắn - năm sáu tiếng một - ít
dùng liên từ lại gần đối nhau, bằng trắc nhịp nhàng, làm
cho ta sức nhớ rằng tác giả là người rất mê hát bội:

(Xưa người thưa đất rộng, xây nhà đếm căn, nay đất
ít người đông, cất nhà kể từng...)

“Trước còn bánh đặc, phân đường xá ghồ ghề, mê
sức chạy mau mà quên đau... sau có bánh bông, nhưng xe
nổ vỏ thì có lấy tay mà bụm!

Cuối câu thường hạ tiếng trắc y như nói lối.

Không biết cảm tưởng của độc giả ra sao chứ tôi thì
thấy vui vui, nhớ lại những ông già búi tóc mà đội nón
Tây và những bà già ngoái trầu trên những bộ ngựa.
Nhưng tôi phải thú thực rằng mặc dầu bút pháp đó gợi
cho ta cái không khí thời xưa, mà thời này dùng nhiều
quá thì cũng ít người thưởng thức.

Sách chia làm tám phần.

- *Phần thứ nhất* tựa như đoạn mở đầu, nhắc qua lại
cuộc Nam tiến của tổ tiên từ thế kỷ thứ XI đến năm 1780,

Mạc Thiên Tứ mất, đất Hà Tiên sáp nhập vào cơ đồ chúa Nguyễn. Tác giả nhấn mạnh vào sự bình định và khai phá cõi Nam, vào công lao của các chúa Nguyễn, của Nguyễn Hữu Kính, Nguyễn Cư Trinh và học Mạc ở Hà Tiên.

Nữ sĩ Mộng Tuyết và học giả Vương Hồng Sển, mỗi người dùng một thể tài một nhà viết truyện, một nhà viết sử, hai nhà cùng một lúc nhắc nhở công lao tổ tiên một cách cảm động, sự không hện mà gặp đó cho ta thấy rằng phong trào ôn cố lúc này đang lên.

Trong phần này, Vương quân đưa ra một nhận xét rất xác đáng là tổ tiên chúng ta đã không chiếm đất Nam này của người Miên vì hai lẽ:

- Đất này trước kia không phải của người Miên mà người Phù Nam.

- Khi tổ tiên ta tới đây thế kỷ 17 thì tuy đã có người Miên, nhưng dân chưa đông, Việt Miên tha hồ khai phá không hề xảy ra những sự xung đột để có thể nói rằng dân tộc này tranh của dân tộc khác.

- Qua phần thứ nhì, tác giả bắt đầu nói về Sài Gòn. Ông xét vết tích những dân tộc đã ở trên khu đất mà ngày nay là Sài Gòn, tức người Phù Nam, người Miên, người Trung Hoa và tổ tiên ta, để tìm xem danh từ *Sài Gòn* từ đâu mà ra. Ông kết luận rằng *Sài Gòn* thời Miên là *Prei Nokor* (nghĩa là xứ ở giữa rừng); *Trung Hoa* tới lập một khu buôn bán gọi là *Đề ngạn* (Chợ Lớn ngày nay) và người Việt tới lập một khu khác, gọi là *Bến Thành* (*Sài*

Gòn ngày nay).

Đề ngạn mà phát âm theo giọng Quảng Đông thì nghe ra *Thầy ngồnn* hay *Thì ngồnn*, *Tài ngòn*. Sài Gòn có lẽ do đó mà ra, chứ không phải do *Prei Nokor*.

Tôi không biết các sử cũ có viết là 堤岸 (*Đề ngạn*) hay không, chỉ thường thấy ngày nay nhiều người viết là 堤 - 土 (*Đề ngạn*; đề: bộ thổ: nghĩa là cái đề; còn *Đề ngạn*: Đề: bộ thủ, nghĩa là nắm lấy). Nhưng chắc là Vương quân biết rõ hơn tôi.

- Trong phần thứ ba, tác giả nghiên cứu vị trí ba thành xây ở Sài Gòn hồi xưa và ghi lại những lễ nghi phong tục thời Quan Lớn Thượng, tức Quan Tả quân Lê Văn Duyệt. Dinh Tả quân nay không còn gì, chỉ còn lại cái tên *Vườn Ông Thượng* (Hoa viên Tao Đàn).

- Qua phần thứ tư, tác giả trở lại tìm vị trí của *Prei Nokor*, *Đề ngạn* và *Bến Nghé*. Đoạn này giá đưa lên phần thứ nhì thì gọn hơn.

Rồi ông dắt ta đi dạo xem phố phường Sài Gòn ngày xưa, bắt đầu từ Cơ thủy xưởng, Cột cờ Thủ Ngữ, tới Khánh Hội, vô Chợ Lớn, trở về Chợ Quán, phủ Tổng thống, qua Thị Nghè...

Đoạn này khá dài trên bốn mươi trang. Tới mỗi nơi ông chỉ cho ta hồi xưa tại đó có dinh thự, chùa chiền, chợ búa nào, ông lại giảng cho ta nguồn gốc những tên như Ba Son, Nhà Rông... kể những chuyện thuộc về ngoại sử, giải nghĩa những tiếng như *bắc thảo*, *tàu kê*, *gùi đội*,... chép những bài thơ cổ, chẳng hạn bài thơ vịnh Mai Sơn

Tự, dẫn những câu ca dao...

Những ai ở Sài Gòn đã lâu đọc đoạn đó chắc rung động một niềm hoài cổ man mác nửa vui nửa buồn.

Riêng tôi, tôi nhớ lại lần đọc đoạn hai ông đồ rủ nhau đi thăm thành Thăng Long trong một tiểu thuyết của Nguyễn Triệu Luật. Kỹ thuật của họ Nguyễn và họ Vương khác nhau xa, mà cảm xúc gây trong tâm hồn tôi thì cũng vậy.

Khi dắt ta tới Chợ Quán, tác giả ngừng trước một nhà cổ và kể cho ta nghe chuyện một bà cụ chơi đồ cổ. Chuyện xảy ra đầu thế chiến vừa rồi. Tác giả lúc đó mới ngoài ba chục tuổi mà bà cụ đó đã trên tám mươi, mới gặp nhau lần đầu mà đã hiểu nhau, trẻ thì kính già mà già thì mến trẻ, chỉ do hai cùng là những người sành đồ cổ cả. Đoạn đó tác giả viết cảm động nhất và cho ta thấy rõ cái sở thích và sở trường của ông.

- Trong phần thứ năm, Vương quân tiếp tục tả và kể lại lịch các cổ tích chung quanh Sài Gòn Chợ Lớn, các chùa chiền, các giáo khu và cho ta hiểu sơ sơ sự bành trướng của Thiên Chúa giáo tại địa phận Sài Gòn.

Đầu phần có miêu tả một vụ bốc mộ khá cảm động và tác giả đề nghị nhà nước nên sớm thảo điều lệ bảo vệ lăng cũ, mộ xưa nếu không thì miền Nam này sẽ chẳng còn gì về mỹ thuật và cổ tích.

- Ba phần cuối, phần thứ sáu, thứ bảy và thứ tám gồm 50 trang, đọc vui nhất. Đời sống nhân vật *bản xứ* và Tây, Tàu hoặc thanh cao, hoặc lố lăng, đê tiện, tàn nhẫn, quỷ quyệt từ hồi Tây đến tới hồi Tây đi, hiện lên rõ ràng trước mắt chúng ta.

Ông mỉa mai bọn *hầu cận các quan Tây*, bọn: *Tiếng Tây thông biết, tưởng vinh trong đời*.

Tây đã đi, nhưng bọn này vẫn còn và chung quanh ta vẫn nhan nhản một lũ tự hào rằng nói tiếng Pháp như người Pháp mà không mắc cỡ rằng nói tiếng Việt không thông.

Ông oán giận *bọn mãi quốc cầu vinh* - vinh hay nhục nhỉ? - tàn sát đồng bào hồi Tây “bình định” xứ này; ông còn nhân từ, không vạch mặt chỉ tên họ ra, nhưng độc giả nào mà không nhận ra được chúng.

Ông khâm phục các học giả như Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, những vị *chỉ say đạo lý và học hỏi, sống đất Tào mà lòng giữ Hán* rồi ông kết:

“Nghĩ theo tay dao súng làm nên sự nghiệp như những nhà kia (tức bọn bán nước), nhưng khi nhắm mắt, sự nghiệp hoen ố lụn bại, sao bằng một ngòi bút, một nghiên mực, sự nghiệp văn chương truyền cửu của ba ông tiền bối này mới thật quý và thơm.”

Còn vô số nhân vật nữa, từ các nhà giàu (*nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định*), đến các nhà báo (Diệp Văn Cường, Nguyễn Chánh Sắt...) đến huê khôi Cô Ba con thầy Thông Chánh mà ba chục năm trước, hồi còn ở Hà Nội tôi đã được trông thấy hình trên các con tem và các giấy thăm rao hàng xà bông, song không biết là của ai, đến bọn nhà giàu nhờ buôn bán hoặc cờ bạc, bọn chỉ đọc được hai tiếng “ù” và “no” mà bỗng nhiên phát triệu phú. Trong phần này còn những tài liệu tuy vẫn tất mà

quý về các vụ Phan Xích Long năm 1913, và vụ phá Khám Lớn Sài Gòn năm 1916. Trang nào cũng đầy những tài liệu đáng tin cho những nhà sau này viết sử hoặc lịch sử ký sự.

Đoạn kết hơi ngắn (chỉ một trang) nhắc lại, những điều kiện mà Sài Gòn có đủ để thành một đô thành tối tân.

*

Như tôi đã thưa với độc giả sự hiểu biết của tôi về sử miền Nam không đủ cho tôi phê bình tài liệu của Vương quân. Tôi chỉ xin góp ít ý nhỏ ở dưới đây:

Tác giả cho rằng danh từ *du côn* có lẽ do bọn anh chị ở Sài Gòn hồi xưa mà có, vì họ hay dùng những đoản côn bằng sắt hay đồng để hộ thân. Tôi tưởng danh từ đã có từ trước nữa, mà bọn anh chị đó không phải là bọn đầu tiên ở nước ta và ở nước Trung Hoa thường dùng đoản côn tự vệ.

Tác giả bảo cây gòn ngoài Bắc gọi là cây *bông gạo*. Hai cây đó tuy cùng một loại, người Pháp cũng gọi một tên (*kapokier hoặc faux cotonnier*), nhưng thực ra khác nhau: cây gạo rất cao lớn, cao như cây sao, gốc lớn có thể đến hai ôm, hoa tuy giống hoa gòn nhưng cánh đỏ như máu và lớn hơn nhiều: lúc mãn khai để chắt cái chén ăn cơm. Trên hai chục năm trước, tôi có thấy ở giữa châu thành Sóc Trăng gần bờ sông, phía Sở Thủy lợi một gốc gạo cổ thụ, không biết nay còn sống không.

Vương quân đưa một thuyết để giải nghĩa tiếng *trường tiền*:

“Sở Công chánh ngày nay, tuy quen tục gọi *Trường Tiền* có phải bộ Công khi xưa chuyên việc đúc tiền nên nay tên gọi làm vậy”?

Thuyết đó có thể đúng. Tôi được nghe một thuyết khác cũng không hoàn toàn vô lý; xin ghi lại đây. Trường Công chánh Hà Nội là một trong những trường cao đẳng thành lập sớm nhất, chỉ sau Trường Y khoa. Hồi mới đầu các sinh viên toàn là nội trú và ở một ngôi nhà đường Paul Bert tại Hà Nội. Đường này gọi là đường Trường Tiền vì hồi xưa có sở đúc tiền ở gần đó. Nơi nội trú đó do vậy được người Nam gọi là Trường Tiền, và các sinh viên Trung Nam ra học thành tài trở về xứ thành các ông Trường Tiền, mà sở các ông ấy làm thành ra Sở Trường Tiền. Ta nên để ý rằng chỉ miền Nam mới gọi Sở Công chánh là Sở Trường Tiền, còn miền Bắc gọi là Sở Lục lộ.

Tác giả có ý bảo những nhân, địa danh miền Nam như *Vô Tánh*, *Châu Thới*, thì phải đọc theo giọng Nam chứ không được ra giọng Bắc: *Vũ Tính*, *Chu Thái*. Điều đó rất hợp lý. Muốn xe hơi đi chơi núi *Châu Thới* mà nói đi chơi núi *Chu Thái* thì tài xế làm sao hiểu được. Nhưng thế nào cũng có lúc ta phải thống nhất giọng nói Nam Bắc, lúc đó sẽ rắc rối đấy.

Còn tiếng Sài Gòn thì đúng như Vương quân đã nói, cổ nhân thiếu chữ *gòn* phải mượn chữ *côn* thế tạm, vậy *côn* đó phải đọc là *gòn* tất nhiên rồi, nếu đọc là *côn* thì bậy lắm.

*

Quả như lời Vương quân nói trong bài tựa: *Coi vậy*

mà xài được. Xài được bọn kia đấy. Kẻ ít học như tôi còn thấy là có lẽ xài được gần trọn kia đấy. Chúng ta nên cảm ơn ông đã ghi lại - vô số tài liệu mà trong mấy chục năm ông đã tốn công đập một chiếc xe máy đi sưu tầm ở khắp Sài Gòn, Chợ Lớn và các vùng lân cận rồi về cân nhắc lựa chọn với một tinh thần thận trọng đáng khen: chỗ nào chưa đủ chứng cứ thì tồn nghi.

*Có đọc cuốn *Le déchiffrement des écritures* trong đó Ernts Doblhofer kể các công tìm tòi, suy luận trong hàng chục năm của hàng chục nhà Bác học để viết lại được một chương ngắn về cổ sử Ai Cập, Ba Tư hay Mésopotamie... mới thấy được rằng phần ai biết được một tài liệu gì về sử cũng có bốn phen phải chép lại bằng cách nào cũng được, miễn thận trọng và thành tâm là quý rồi. Nếu không vậy thì thực khổ tâm cho những người sau tìm hiểu người trước...*

Nguyễn Hiến Lê

Báo Mai. Số 20 - 25-4-1961

Đọc Sài Gòn năm xưa của Vương Hồng Sến.

... Từ lâu nay, cái tên Vương Hồng Sến đã đủ bảo đảm cho những sách khảo cổ. Ông vốn là một tay khảo cứu trọng nghề lại giao du rộng - không những có cả những thư viện trong tay, lại có cả một kho người rành chuyện. Vì thế mà biết được bao nhiêu điều lý thú, ông những lo tung được ra cho ai nấy đều thưởng thức.

“Ôm mớ tài liệu thu thập bấy lâu nay, dù hay dù dở chưa bằng bụng, mình biết lấy mình, bày hết trình hết ra

đây - mặc tình các vị xa gần tùy thích lựa chọn... dù chẳng làm nên cái bánh ngon, cũng được tiếng là không xấu bụng”.

“Bắt tay vào việc cốt ý là muốn cống hiến ra đây mớ hiểu biết lụn vụn và mớ nghe thấy vặt vãnh về Sài Gòn. Ở đây, tôi chú trọng nhiều nhất là những đoạn sử vụn vặt buổi giao thời: “Pháp - Nam - Chà - Chệc chung đụng những chuyện “Tây đến, Tây đi”, những việc chưa ai nói rõ ràng, nay tôi được nghe tận tai, hoặc thấy tận mắt nhiều đoạn do hiểu riêng, lắm đoạn nhờ các cố lão thuật lại...”.

Thú thật là, đọc sách *Sài Gòn năm xưa* tôi thấy lý thú quá... khiến không thể được gì ra đây hết. Vì nếu thuật phải thuật hết. Đúng như lời ông Sến nói, những câu chuyện xưa thật là vui thú, dí dỏm, không những chúng làm ta ưa thích, mà còn thỏa được trí tò mò của ta vì bao nhiêu câu hỏi mà ta từng đặt ra về đất Sài Gòn nầy có thể nào mà trả lời cho hết được, nhất là về những tên của một khu phố, một xóm, một chiếc cầu, những tên mà chúng ta thấy là rất ngớ ngẩn và không biết nguồn gốc tự đâu.

Công phu sưu tầm của ông Vương Hồng Sến rất là đáng kể - cũng như lối hành văn của ông, một lối hành văn tự nhiên rất vui, có duyên. Đọc lên ta tưởng đến lời kể chuyện trực tiếp, chứ không phải là do tay viết, của một người rất dí dỏm, rất khéo, ngạo đời, cười hoài, mà rất thật...

(Trích Tạp san Văn hóa Á Châu
số 4 - Tháng 4-1951)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
ĐỀ TÀI	
TỰA	
PHẦN THỨ I	11
Nhắc lại cuộc mở mang bờ cõi vĩ đại của dân Việt	11
Nối dõi tổ tiên, trong cuộc mở mang bờ cõi vĩ đại	11
1) Cõi Nam từ năm 1658 đến năm 1753	14
2) Từ năm 1753 đến năm 1780 hoàn thành cuộc mở mang bờ cõi	23
PHẦN THỨ II	30
Thử tìm hiểu bởi đâu mà có danh từ “Sài Gòn”	30
Về danh từ “Sài Gòn”	30
1) Trước hết, từ giống người Phù Nam	32
2) Nối chân Phù Nam trên vùng Thủy Chân Lạp là người Cam Bốt	34
3) Theo dấu người Tàu, năm 1680 đến miền Nam, năm 1778 lập Đề Ngạn	38
4) Trở lại dấu vết tổ tiên Việt	47
PHẦN THỨ III	
1) Sài Gòn dưới thời Nguyễn Ánh (1774 - 1820)	50
Địa thế Sài Gòn	70
Thử nhắc lại vài nét ăn thói ở thời Quan Lớn Thượng	72
2) Sài Gòn dưới trào Minh Mạng (1820 - 1840)	76

PHẦN THỨ IV 78

Trở lại vấn đề tìm hiểu thêm về vị trí Sài Gòn

- 1) Chỗ nào là “Cổ Sài Gòn” thành lũy mà người
Cam Bốt gọi là Prei Nokor 79
- 2) Sài Gòn, nơi tụ tập buôn bán của người Tàu
tạo lập từ năm 1778 (Đề Ngạn) 83
- 3) Sài Gòn của Việt 87

Các cơ quan xưa trong thành Sài Gòn

Dạo xem phường phố, làng xóm.

Dinh thự, công sở, kinh rạch

- a) Từ cột cờ Thủ Ngũ... 97
- b) Từ lộ mé sông vào Chợ Lớn. 114
- c) Bên kia Rạch Bến Nghé. 122
- d) Cầu và kinh rạch vùng Chợ Lớn. 123
- e) Nhà, xóm trong Chợ Lớn. 132
- f) Con đường Sài Gòn vô Chợ Lớn, tục danh
Đường Trên (Route Haute) 135
- g) Nay xin trở lại đường Thuận Kiều. 140
- h) Cầu Đường, Cầu Khâm Sai, Chùa Cây Mai. 147
- i) Trở về Chợ Quán. 154
- j) Gần dinh Độc Lập. 163
- k) Qua bên Thị Nghè. 164
- l) Đường Cao Thắng. 165

PHẦN THỨ V

- Cổ tích chung quanh Sài Gòn, Chợ Lớn 167
- Chùa chiền. 176
- Sự phát triển của Thiên Chúa giáo trong Nam,
(địa phận Sài Gòn) 206
- Các đình thờ thần 216

SÀI GÒN

CHỢ LỚN

PHẦN THỨ VI 218

- Nhân vật bản xứ hồi Tây mới qua 218

- Các thầy ký lục, lính tập, mã tà, các me Tây.

- Các quan chức, văn nhơn, ký giả, chủ sòng, các
loại anh chị bự...**PHẦN THỨ VII** 260

Nhơn vật Hoa kiều hồi Tây mới qua 260

Chú Hòa 260

Chú Hỷ, Nam Long, Nam Hải, Di Sanh Long,
Nhị Thiên Đường v.v... 262

Quách Đàm 263

PHẦN THỨ VIII 269

Tây đến rồi Tây lại đi (1859 - 1946) 269

Aubaret, Sylvestre, Philastre, v.v... 269

Tờ báo "l'Opinion" ký giả J. Delpit 270

Ganesso 271

Hãng tàu "Messageries Fluviales" 273

Vấn đề nước uống trong thành phố Sài Gòn 274

Vấn đề cờ bạc 274

Jean Duclos, Mézin, Gressier, Vidal 275

Câu lạc bộ thể thao "Cercle Sportif" 275

Chiếc xe đạp 276

Fernand Lafon và tên Chà Và bán sữa mua đất
châu thành 277

Xe kiếng "voiture malabare" và xe tự động "auto" 278

Câu hát hò thuở trước 279

KẾT LUẬN	282
Bảng kê khai các họa đồ Sài Gòn và Chợ Lớn của ông Pincau	285
Tài liệu tham khảo	290
PHẦN PHỤ LỤC	294
Cảm tưởng về quyền Sài Gòn năm xưa (của Thu Giang Nguyễn Duy Cần, báo Tự Do ngày 7-4-1961)	
Trích báo Mai số 20 ngày 25-4-1961, bài của Hoàng Minh Tuynh	
Trích của Nguyễn Hiến Lê đăng trong báo Mai số 20 ngày 25-4-1961	
Trích tập san "Văn Hóa Á Châu" số 4 tháng 4-1961 - Độc Sài Gòn năm xưa của Vương Hồng Sển	
MỤC LỤC	
MỤC LỤC CÁC TRANH, ẢNH ĐỊA ĐỒ	

Mục lục các tranh, ảnh, địa đồ

- I. Ba đĩa xưa nhắc tích “Gia Long tẩu quốc”
- II. Cửa thành Minh Mạng 1836 (phồng họa)
- III. Bản đồ ghi rõ vị trí hai thành 1790 và 1836
- IV. Hình đồng bụng thép dẫu, đào tại nền SAMIPIC cũ
- V. Phật đồng Cổ Cao Miên đào tại nền SAMIPIC cũ
- VI. Địa hình tỉnh Gia Định, ông Trần Văn Học vẽ năm 1815, có chỉ rõ thành cổ, Hiền Trung Từ, xóm Cầu Kho.
- VII. Bản đồ xóm Chợ Quán.
- VIII. Chùa Ngọc Hoàng, đường Phạm Đăng Hưng (Đất Hộ).
- IX. Mộ xưa bằng vôi và ô dước, bị cải táng (x. hình sòì và lối kiến trúc kiên cố và mỹ thuật).
- X. Dinh gỗ đời Đề đốc Thủy sư Bonard
(họa lại theo Illustration, số báo ngày 4-7-1863).
(Xưa dựng trong vòng rào trường Taberd, góc Nguyễn Du và Hai Bà Trưng. Đặt làm tại Tân Gia Ba).
- Xbis Một ngôi nhà kiên cố ở bến sông
- XI. Quán giải khát góc Catinat và d’Ormay cũ, danh gọi “Café Lyonnais”, sau đổi gọi “Café Tortoni”. Dọn trong nhà xưa kiểu Việt, chung quanh còn thấy cau dừa tươi tốt mát mẻ.
- XII. Tháp dẫn nước gọi “Château d’eau”
(xây năm 1978 tại Công trường Chiến sĩ)

Ảnh số XIII. Quảng Đông Nhai. Quang cảnh náo nhiệt ngày lễ “Cung chúc Dân Vạn tuế”.

Ảnh số XIV. Đường Tự Do, trước nhà hàng Pháp “Continental” mấy năm về trước.

Ảnh số XV. Quang cảnh Chợ Mới Sài Gòn (Chợ Bến Thành), trước năm 1945, trong ảnh còn thấy chiếc xe kiếng, chiếc xe kéo, v.v...

(Ảnh số XIII, XIV và XV trích trong Album Nadal)

Ảnh số XVI. Một di vật không còn thấy nữa; chiếc xe kiếng một ngựa lớp trước 1945.

Ảnh số XVII. Quang cảnh ngày 7 tháng 10 năm 1877, khi đức Cha Colombert đặt viên đá đầu tiên xây Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn (Nhà Thờ Lớn).

Sài Gòn năm xưa
VƯƠNG HỒNG SẼN

Chịu trách nhiệm xuất bản
ĐẶNG TẤN HƯỚNG

Biên tập:
LÂM NGỌC

Trình bày:
Sửa bản in: **LÂM NGỌC**

Bìa:
Thực hiện liên doanh:
NHÀ SÁCH THÀNH NGHĨA

In 1000 bản. Khổ 14,5 x 20,5cm.
In tại: Công ty CP in Bến Tre
Số đăng ký XHXB: 15/1817/XB-QLXB
Cục Xuất bản cấp ngày: 25/12/2003
Giấy trích ngang số:**120**...../GTNXB do NXBTH
Đồng Nai cấp ngày: **6 / 4 /2004** .
In xong và nộp lưu chiểu:.....**Quý 2** năm 2004 .

Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai, 210, Quốc lộ 1K, TP Biên Hòa,
Đồng Nai.
Điện thoại: (061)946519. Ban Biên tập: (061)825292
Ban Giám đốc: (061)946529 – (061)822613 – FAX: (061)946530
Email: nxhdongnai@hcm.vnn.vn



Sài Gòn

Gòn

Năm xưa



DN SÁCH THÀNH NHÂN
NHÀ SÁCH NHÂN
288B An Dương Vương
Website: dnsachthanhnhien.com
Email: ns thanhnhien@nhasachthanhnhien.com

